Chi tiết mã HS 9303.90.10

Mã HS	9303.90.10
Mô tả hàng hóa	Súng cầm tay (firearm) khác và các loại tương tự hoạt động bằng cách đốt cháy lượng thuốc nổ đã nạp (ví dụ, súng shotgun thể thao và súng trường thể thao, súng cầm tay nạp đạn phía nòng, súng lục bắn pháo hiệu và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu, súng lục và súng lục ổ quay để bắn đạn giả, súng bắn gia súc giết mổ, súng phóng dây) / - Loại khác: / - - Súng lục bắn pháo hiệu và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu có cỡ nòng từ 20 mm trở lên nhưng trừ cỡ 23 mm và 26,5 mm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 22:34:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/93039010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18430
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18430
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18430
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AANZFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ACFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
ATIGA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục A)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

RCEP (Phụ lục B)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục D)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục E)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục F)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VCFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VJEPA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AC!E17753
ATIGA	2022	2022	*	AT!E17682
ATIGA	2023	2023	*	AT!F17682
ATIGA	2024	2024	*	AT!G17682
ATIGA	2025	2025	*	AT!H17682
ATIGA	2026	2026	*	AT!I17682
ATIGA	2027	2027	*	AT!J17682
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E17738
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F17738
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G17738
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H17738

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I17738
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J17738
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	VJ!E17739
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	VJ!F17739
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	VJ!G17739
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	VJ!H17739
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	VJ!I17739
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	VJ!J17739
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F17744
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AANZ!H17701
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F17696
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G17696
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H17696
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I17696
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J17696
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K17696
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17742
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17742
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17742
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17742
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17742
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17742
VCFTA	2022	2022	*	VC!D17804
VCFTA	2023	2023	*	VC!E17804
VCFTA	2024	2024	*	VC!F17804
VCFTA	2025	2025	*	VC!G17804

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	*	VC!H17804
VCFTA	2027	2027	*	VC!I17804
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D17782
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E17782
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F17782
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G17782
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H17782
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I17782
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D17775
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E17775
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F17775
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G17775
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H17775
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I17775
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17805
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17805
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17805
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17805
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17805
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17805
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17804
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17804
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17804
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17804
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17804
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17804

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17898
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17898
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17898
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17898
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17898
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17898
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17898
RCEP A	2022	2022	*	RCEPT-A!D17767
RCEP A	2023	2023	*	RCEPT-A!E17767
RCEP A	2024	2024	*	RCEPT-A!F17767
RCEP A	2025	2025	*	RCEPT-A!G17767
RCEP A	2026	2026	*	RCEPT-A!H17767
RCEP A	2027	2027	*	RCEPT-A!I17767
RCEP B	2022	2022	*	B!D17767
RCEP B	2023	2023	*	B!E17767
RCEP B	2024	2024	*	B!F17767
RCEP B	2025	2025	*	B!G17767
RCEP B	2026	2026	*	B!H17767
RCEP B	2027	2027	*	B!I17767
RCEP C	2022	2022	*	C!D17765
RCEP C	2023	2023	*	C!E17765
RCEP C	2024	2024	*	C!F17765
RCEP C	2025	2025	*	C!G17765
RCEP C	2026	2026	*	C!H17765
RCEP C	2027	2027	*	C!I17765
RCEP D	2022	2022	*	D!D17764

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	*	D!E17764
RCEP D	2024	2024	*	D!F17764
RCEP D	2025	2025	*	D!G17764
RCEP D	2026	2026	*	D!H17764
RCEP D	2027	2027	*	D!I17764
RCEP E	2022	2022	*	E!D17768
RCEP E	2023	2023	*	E!E17768
RCEP E	2024	2024	*	E!F17768
RCEP E	2025	2025	*	E!G17768
RCEP E	2026	2026	*	E!H17768
RCEP E	2027	2027	*	E!I17768
RCEP F	2022	2022	*	F!D17767
RCEP F	2023	2023	*	F!E17767
RCEP F	2024	2024	*	F!F17767
RCEP F	2025	2025	*	F!G17767
RCEP F	2026	2026	*	F!H17767
RCEP F	2027	2027	*	F!I17767
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16649
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16649
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16649
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16649

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9303.90 có 2 dòng thuế; dòng 9303.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Súng lục bắn pháo hiệu và các loại khác được thiết kế chỉ để phóng pháo hiệu có cỡ nòng từ 20 mm trở lên nhưng trừ cỡ 23 mm và 26,5 mm.	9303.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9303.90.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9303.90.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9303.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9303.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18430), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.